



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

From Humaneness to the Trend of Humanization in Vietnamese Criminal Law

Vu Thi Thuy*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 19th September 2024

Revised 21st April 2025; Accepted 25th June 2025

Abstract: In the ongoing progress of humanity, as human rights and humanitarian values are increasingly emphasized, humaneness has become an essential principle in the development of modern criminal law. It is not merely a legal principle but a vivid expression of compassion, tolerance, and a commitment to rehabilitation over punishment. The spirit of humaneness promotes fair and compassionate treatment of offenders, aiming to reform and restore human dignity rather than to exact retribution. Globally, the trend toward the humanization of criminal law is gaining momentum through the reduction of harsh punishments, the expansion of non-custodial measures, and the enhancement of reintegration support. In Vietnam, this trend not only reflects the spirit of legal reform but also affirms the nation's deep-rooted humanitarian tradition. This article clarifies the relationship between humaneness and the trend of humanization, an underlying current of thought that nurtures the progress of a modern criminal justice system.

Keywords: Humaneness, trend of humanization, criminal law.

* Corresponding author.

E-mail address: vuthuy98hd.vnu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4696>

Từ tính nhân đạo đến xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự Việt Nam

Vũ Thị Thủy*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 19 tháng 9 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 21 tháng 4 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2025

Tóm tắt: Trong dòng chảy tiến bộ của nhân loại, khi quyền con người và giá trị nhân văn ngày càng được đề cao, tính nhân đạo đã trở thành một nguyên tắc quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự hiện đại. Không chỉ là nguyên tắc pháp lý, đó còn là biểu hiện sinh động của lòng vị tha, sự khoan dung và khát vọng cảm hóa con người. Tư tưởng nhân đạo thúc đẩy việc đối xử công bằng, nhân ái với người phạm tội, hướng đến cải tạo và hồi sinh nhân cách thay vì trừng phạt thuần túy. Trên bình diện quốc tế, xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự đang lan tỏa mạnh mẽ qua việc giảm nhẹ các hình phạt hà khắc, mở rộng các biện pháp thay thế giam giữ và tăng cường hỗ trợ tái hòa nhập. Tại Việt Nam, xu hướng này không chỉ phản ánh tinh thần cải cách pháp luật mà còn khẳng định chiều sâu truyền thống nhân văn của dân tộc. Bài viết sẽ làm rõ mối liên hệ giữa tính nhân đạo và xu hướng nhân đạo hóa - như một dòng tư tưởng nền tảng nuôi dưỡng sự tiến bộ của nền tư pháp hình sự hiện đại.

Từ khóa: Tính nhân đạo, xu hướng nhân đạo hóa, luật hình sự.

1. Quan niệm về tính nhân đạo trong luật hình sự

Luật hình sự là một nhánh của hệ thống pháp luật quốc gia xác định căn cứ, nguyên tắc và điều kiện của trách nhiệm hình sự (TNHS), các loại tội phạm và hình phạt áp dụng cho hành vi phạm tội. Theo cách hiểu truyền thống, luật hình sự đã được sử dụng trong nhiều thế kỷ với mục đích thuần túy là trừng phạt, răn đe và chỉ vì lợi ích của nhà nước. Tuy nhiên, luật hình sự hiện nay phản ánh những nỗ lực tự do của nhân loại, xem xét không chỉ lợi ích sống còn của nhà nước, xã hội trong việc bảo vệ mình khỏi những người phạm tội mà còn xem xét các đặc điểm, quyền và tình trạng pháp lý của người phạm tội. Theo quan niệm mới, hiện đại này, việc xác lập và xử lý việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, không

phải là cách duy nhất để nhận thức được vai trò của pháp luật hình sự trong việc bảo vệ các giá trị xã hội [1]. Mặc dù về bản chất, hình phạt trong một số trường hợp vẫn mang tính trừng trị (chung thân không ân xá, tử hình) nhưng hiện nay, quan niệm về giáo dục, cải tạo người phạm tội vẫn là khuynh hướng chủ đạo của pháp luật hình sự các quốc gia nhằm đảm bảo những giá trị tốt nhất về quyền con người.

Tính nhân đạo trong luật hình sự được nghiên cứu dưới các khía cạnh: *Thứ nhất*, tính nhân đạo thể hiện trong chính sách lập pháp hình sự, phản ánh sự khoan dung, cân bằng giữa lợi ích của nhà nước, xã hội và quyền con người. Điều này thể hiện qua việc quy định nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, hạn chế hình phạt tử hình, áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với một số nhóm đối tượng đặc thù như người chưa

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: vuthuy98hd.vnu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4696>

thành niên, người mắc bệnh tâm thần. *Thứ hai*, tính nhân đạo thể hiện trong việc xác định TNHS và áp dụng hình phạt, theo đó luật hình sự không chỉ nhằm trừng phạt mà còn hướng tới giáo dục, cải tạo người phạm tội, tạo điều kiện cho họ tái hòa nhập cộng đồng. Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS, các biện pháp miễn, giảm hình phạt hoặc áp dụng chính sách khoan hồng đối với người tự nguyện khai báo, lập công chuộc tội là minh chứng cho khía cạnh này. *Thứ ba*, tính nhân đạo còn được xem xét trong chính sách xử lý đối với từng nhóm đối tượng cụ thể, chẳng hạn đối với người chưa thành niên phạm tội, luật hình sự thường áp dụng nguyên tắc xử lý chủ yếu bằng biện pháp giáo dục, hạn chế áp dụng hình phạt tù nhằm đảm bảo sự phát triển của họ. Tương tự, đối với phụ nữ có thai, người già, người khuyết tật, pháp luật hình sự cũng có những quy định mang tính nhân đạo như không áp dụng hoặc giảm nhẹ một số hình phạt nghiêm khắc. Các nghiên cứu đi trước đã chỉ ra rằng các khái niệm “nhân văn” và “nhân đạo” có thể được coi là từ đồng nghĩa [2].

Tính nhân đạo trong luật hình sự có những nguyên tắc đặc thù nhất định thể hiện ở chỗ nói đến nhân đạo trong hình sự là nhân đạo với ai? (với xã hội? với người bị hại? hay với người phạm tội?). Nói đến vấn đề này, trong thực tiễn áp dụng cũng như trong khoa học luật hình sự vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Có quan điểm cho rằng, luật hình sự bảo vệ chế độ nhà nước và chế độ xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cá nhân, trật tự pháp luật khỏi sự xâm phạm của tội phạm [3]. Đồng thời, luật hình sự cũng bảo vệ lợi ích của người phạm tội. Nhưng có quan điểm khác lại cho rằng, trong số những người tham gia quan hệ pháp luật tố tụng hình sự, thì người bị hại, người làm chứng cần được bảo vệ đối xử như vậy, còn đối với bị can, bị cáo, họ không xứng đáng được hưởng sự đối xử nhân đạo đó [4]. Quan điểm này được cho là không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa của nước ta, bởi trong một xã hội chủ nghĩa thì mọi người đều phải được đối xử công bằng và bình đẳng như vậy mới phù hợp với nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Mức độ thể hiện của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự được thể

hiện thông qua thái độ đối xử với người phạm tội, phải luôn coi người phạm tội cũng như là một phần tử của xã hội giống như tư tưởng của Các-Mác cũng đã từng nhấn mạnh rằng: “Nhà nước cần phải coi người vi phạm pháp luật là phần tử sống của nhà nước, trong đó máu của trái tim của nhà nước đang chảy; là một người lính bảo vệ tổ quốc; là một người làm chứng mà tòa án phải chú ý lắng nghe; là một thành viên của xã hội đang thực hiện chức năng xã hội; một người chủ gia đình mà sự tồn tại thật là thiêng liêng và cuối cùng điều chủ chốt nhất là một công dân của nhà nước, nhà nước không thể nhẹ dạ gạt bỏ một thành viên của mình khỏi tất cả các chức năng đó bởi vì mỗi lần biến công dân thành một kẻ phạm tội thì nhà nước cắt bỏ những bộ phận sống ra khỏi thân mình” [4]. Tuy vậy, tính nhân đạo không nên được hiểu theo con đường giảm nhẹ trách nhiệm vô điều kiện dưới khẩu hiệu “từ thiện” hay “ban ơn”, cần hiểu theo hướng giảm thiểu tối đa mức độ nặng nề của pháp luật và thực thi pháp luật trong những điều kiện về địa điểm và thời gian nhất định [5]. Đồng thời, tính nhân đạo của chính sách hình sự thể hiện rằng luật hình sự phải cực kỳ nghiêm khắc với những người gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội, khoan dung với những người đã từng vấp ngã, không có ác ý hay thái độ phản xã hội “bị ép buộc”, họ đã vượt qua ranh giới của điều cấm pháp luật do hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống xô đẩy, không kìm nén nổi ham muốn nhất thời để có được nhiều hơn một chút so với những gì mình được hưởng [6].

Tính nhân đạo trong luật hình sự được thể hiện chủ yếu ở chỗ khi áp dụng hình phạt, nhà nước không tìm cách trả thù người phạm tội về hành vi mà người đó đã phạm phải và gây ra thiệt hại cho cộng đồng. Mặc dù chắc chắn rằng hình phạt gây ra và phải gây ra đau khổ, tức đi ngược lợi ích nhất định của tội phạm (nếu không thì đó sẽ không phải là hình phạt “hữu danh vô thực”), nhưng mục đích cuối cùng mà hình phạt hướng đến là sửa chữa người đã phạm tội (dù cho còn hai hình phạt là tù chung thân không ân xá và tử hình khó có thể xếp là nhân đạo) còn gọi là mục đích xã hội hóa người phạm tội. Tính nhân đạo còn thể hiện ở chỗ hình phạt không chỉ có tác

dụng đối với người phạm tội mà còn có tác dụng ngăn chặn tội phạm, răn đe những người có ý định phạm tội và ngay cả tội phạm để họ không phạm tội mới, từ đó giảm bớt nguy cơ tái phạm. Nhà nước căn cứ vào nguyên tắc nhân đạo cố gắng không sử dụng các biện pháp trấn áp hình sự một cách không cần thiết, đồng thời giảm bớt các căn cứ để sử dụng các biện pháp nghiêm khắc nhất, chẳng hạn như tù chung thân không ân xá và tử hình.

Như vậy, tính nhân đạo trong luật hình sự được hiểu ở việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội với mục đích nhằm: Cải tạo, giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội và giúp công tác phòng ngừa tội phạm trong xã hội nói chung, đồng thời tạo điều kiện cho người phạm tội tự cải tạo, có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng. Mặt khác, khi xem xét dưới góc độ là tội phạm, pháp luật cũng xét đến tổng thể các khía cạnh khác như: Độ tuổi, tình trạng sức khỏe, tình trạng bản thân khi phạm tội như mang thai, hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn đặc biệt để xác định mức hình phạt phù hợp nhất.

Tính nhân đạo đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và thực thi pháp luật hình sự. Nó giúp giảm bớt sự khắc nghiệt của pháp luật, hướng đến một hệ thống tư pháp hình sự không chỉ trừng phạt mà còn cải tạo và tái hòa nhập xã hội cho người phạm tội. Điều này thể hiện qua các chính sách miễn, giảm nhẹ hình phạt, ân xá và các biện pháp cải tạo không giam giữ.

2. Xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự

Dưới ánh sáng của tinh thần nhân đạo, hệ thống pháp luật hình sự ở nhiều quốc gia trên thế giới đã dần thay đổi, từ việc áp dụng nghiêm khắc án tử hình và các hình phạt khắc nghiệt sang hướng đề cao mục tiêu giúp người phạm tội tái hòa nhập xã hội. Chủ nghĩa nhân đạo trong lĩnh vực pháp luật hình sự là sự phản ánh của nguyên tắc nhân đạo. Cụ thể, nó phải bao gồm hai phần quan trọng: *thứ nhất*, đặt con người vào vị trí trung tâm và mục tiêu của hệ thống; *thứ hai*, nghiêm cấm bất kỳ hình thức tra tấn và đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm.

Việc áp dụng chủ nghĩa nhân đạo trong lĩnh vực pháp luật hình sự có nghĩa là việc xây dựng và thực thi luật pháp phải phù hợp với bản chất con người. Đau đớn mà hệ thống pháp luật gây ra cho tội phạm phải được kiểm soát trong phạm vi có thể chấp nhận được đối với phẩm giá con người và sự khoan dung càng cao càng tốt. Nhân đạo là một nội dung không thể thiếu của pháp luật hình sự mỗi quốc gia, đòi hỏi việc theo đuổi nhân đạo trong pháp luật là yêu cầu và thể hiện của giá trị pháp luật trong lĩnh vực hình sự.

Tính nhân đạo trong mối tương quan với quyền con người là nền tảng giá trị của luật hình sự, bất kỳ lý luận nào về luật hình sự cũng như việc xây dựng bất kỳ hệ thống tội phạm nào cũng không thể tách rời nền tảng này [7]. Sự tàn ác của hình phạt, sự nghiêm khắc quá mức (cứng nhắc) của hình phạt không được biện minh bằng các mục tiêu đã chỉ ra, chưa kể đến việc gây ra đau khổ về thể xác cho người phạm tội hoặc hạ thấp nhân phẩm của người đó. Trong chính sách hình sự quốc gia, tính nhân đạo được thể hiện bằng cách giảm nhẹ các hình phạt khắc nghiệt đối với người phạm tội và giảm thiểu việc áp dụng hình phạt tù, đặc biệt đối với các tội phạm ít nghiêm trọng. Để làm điều này, cần xem xét điều chỉnh hệ thống hình phạt tù, tập trung vào áp dụng án tù cho các tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nguy hiểm. Với các tội phạm nghiêm trọng hoặc nhẹ, hình phạt tù chỉ nên áp dụng khi cần thiết để ngăn chặn tác động tiêu cực của họ lên xã hội. Các trường hợp còn lại cần xem xét áp dụng các hình phạt khác không phải là hình phạt tước tự do [8]. Việc giảm nhẹ hình phạt đã trở thành một xu hướng phát triển trong luật hình sự trên thế giới ngày nay theo hướng: “hạn chế án tử hình và cuối cùng là bãi bỏ án tử hình” đã nhận được sự đồng thuận của phần lớn học giả trong nước và quốc tế [9].

Dưới góc độ pháp luật, xu hướng phát triển của pháp luật là một hiện tượng xã hội và là một phạm trù triết học. Nó phản ánh sự thay đổi và tiến triển trong lĩnh vực pháp luật qua thời gian. Điều này bao gồm việc thích nghi với các thách thức mới của xã hội, công nghệ, kinh tế và chính trị, cũng như việc đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và bảo vệ quyền lợi của cá nhân và tổ chức.

Các xu hướng này có thể bao gồm sự phát triển của luật mới, sự thay đổi trong tư duy và triết lý pháp luật, cũng như việc thay đổi cách thức thực thi và áp dụng pháp luật trong một khoảng thời gian, không gian nhất định theo sự biến chuyển của xã hội và thời đại. Xu hướng phát triển của luật hình sự là chuyển động, đường đi của luật hình sự theo một hướng nhất định trong một giai đoạn lịch sử và một không gian nào đó, nó được coi là phần tất yếu của sự thay đổi và phát triển của luật hình sự hiện đại [10].

Nhân đạo hóa trong luật hình sự là một trong những xu hướng phát triển lâu dài nhất cho đến thời điểm hiện tại. Nhân đạo hóa trong luật hình sự không chỉ xem xét các chế định liên quan đến việc bảo đảm quyền con người của ngành luật này ở thời điểm hiện tại hay một thời điểm bất kỳ nào đó trong quá khứ mà xác định viễn cảnh của chúng, cũng như các mục đích, chiến lược, cuối cùng của chúng trong tương lai. Hoạt động nhân đạo hóa có vai trò quan trọng trong lý luận và thực tiễn, giúp hoàn thiện pháp luật hình sự quốc gia, đồng thời thể hiện truyền thống tương thân, tương ái, bao dung vị tha, “là đạo đức thể hiện tình thương yêu với ý thức tôn trọng giá trị phẩm chất con người” [11] của dân tộc. Nhân đạo hóa xuất phát từ nguồn cội tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước, thể hiện trước hết ở việc giảm nhẹ các hình phạt có tính hà khắc đối với người phạm tội, giảm bớt hình phạt tù đối với người phạm tội, hình phạt tù chủ yếu áp dụng đối với các tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; đối với các tội phạm nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng khi xét thấy nếu để người phạm tội ở ngoài xã hội sẽ còn gây hại cho xã hội; đối với những trường hợp còn lại thì xem xét áp dụng các hình phạt không phải là tước tự do [12].

Một số học giả có quan điểm về nhân đạo hóa trong luật hình sự, như: A. Shestak Viktor và A. Shaynurova Dariya cho rằng, nhân đạo hóa là việc thay đổi cách tiếp cận hình phạt, đảm bảo công bằng và tôn trọng quyền con người, bao gồm loại bỏ án tử hình và tránh gây tổn thương thân thể. Ursu Vyacheslav Onufrievich nhấn mạnh cải thiện luật hình sự nhằm tăng cường an ninh và công bằng, mở rộng các hình phạt thay

thế và cơ hội tái hòa nhập. Còn Sokolov Alexander Borisovich cho rằng nhân đạo hóa thể hiện qua việc giảm cường chế, bảo vệ quyền và công lý trong tổ tụng hình sự. Nhóm tác giả V. P. Kashepov, A. A. Gravina và T. O. Koshaeva có quan điểm nhân đạo hóa là tiến trình lâu dài, đảm bảo các nguyên tắc công bằng và tôn trọng quyền cá nhân [13].

Như vậy, xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự là quá trình cải cách và phát triển luật hình sự nhằm mục tiêu tăng cường tôn trọng và bảo vệ quyền con người, giảm bớt sự khắc nghiệt của các hình phạt, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo và tái hòa nhập xã hội của người phạm tội. Xu hướng này không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo các quyền con người trong giai đoạn hiện tại hoặc bất kỳ thời điểm nào trong quá khứ, mà còn xác định tầm nhìn về tương lai, bao gồm mục tiêu, chiến lược và kết quả cuối cùng mà hệ thống pháp luật hình sự hướng tới.

Tại Việt Nam, xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự là việc sửa đổi luật để bảo vệ quyền con người, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, công lý và nhân đạo. Quá trình này không chỉ đảm bảo quyền con người hiện tại mà còn xây dựng chiến lược cho tương lai, phản ánh truyền thống bao dung của dân tộc. Nhân đạo hóa thể hiện qua việc giảm nhẹ hình phạt, chỉ áp dụng hình phạt tù cho các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và xem xét hình phạt thay thế cho các trường hợp ít nghiêm trọng.

Kể từ những năm 2000, Đảng và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã xác định rõ định hướng cải cách toàn diện hệ thống pháp luật và tư pháp nhằm xây dựng một nền pháp lý minh bạch, hiệu quả, đồng thời kiến tạo một nền tư pháp công bằng, có trách nhiệm, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người và nguyên tắc pháp quyền. Định hướng này đã được thể hiện nhất quán trong các văn kiện quan trọng của Đảng, tiêu biểu là Nghị quyết số 08-NQ/TW năm 2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp thời gian tới; Nghị quyết số 48-NQ/TW năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; cũng như Nghị quyết số 49-NQ/TW năm 2005 về Chiến lược cải

cách tư pháp đến năm 2020. Trong quá trình tổng kết thực hiện các nghị quyết này, các cơ quan của Đảng và Nhà nước đều nhất trí cho rằng việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách pháp luật và tư pháp là một yêu cầu tất yếu. Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã coi việc bảo vệ quyền con người là một trong những nhiệm vụ quan trọng khi chỉ đạo: “Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người”.

Luật hình sự Việt Nam đã trải qua những dấu mốc thăng trầm qua 03 lần ban hành gồm: Bộ luật Hình sự năm 1985, Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015. Mỗi Bộ luật Hình sự (cùng với các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự - BLHS) thể hiện nhất định tinh thần nhân văn, xu hướng nhân đạo hoá luật hình sự qua việc áp dụng một số hình phạt như: Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình, giảm áp dụng hình phạt tù chung thân và tăng cường áp dụng hình phạt tiền.

- Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình

Trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam, hình phạt tử hình từ lâu đã được xem như một công cụ pháp lý tối cao nhằm bảo vệ lợi ích Nhà nước và xã hội khỏi những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, chính trị và xã hội, chính sách pháp luật nói chung và chính sách hình sự nói riêng đã có sự chuyển biến mạnh mẽ theo hướng nhân đạo hóa, thể hiện rõ nét qua các lần pháp điển hóa BLHS. Sự dịch chuyển xu hướng giảm hình phạt tử hình trong Luật Hình sự Việt Nam không đơn thuần là hệ quả của thay đổi trong tư duy lập pháp hình sự, mà còn phản ánh sinh động sự vận động của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và xu thế quốc tế về bảo vệ quyền con người. Quá trình này diễn ra từng bước, thận trọng nhưng xuyên suốt, gắn chặt với những biến đổi lớn của đất nước trong suốt bốn thập kỷ qua - kể từ thời điểm ra đời BLHS năm 1985.

BLHS Việt Nam có xu hướng ngày càng giảm thiểu áp dụng hình phạt tử hình, thể hiện qua các lần sửa đổi. BLHS năm 1985 quy định

tử hình cho 29 tội danh (chiếm tỷ lệ 14,87%), nhưng qua các lần sửa đổi (1989, 1991, 1992, 1997), con số này tăng lên 44 tội danh (chiếm tỷ lệ 20,37%), phản ánh xu hướng lập pháp nghiêm khắc.

Sự thay đổi bắt đầu từ BLHS năm 1999, khi số tội danh bị áp dụng tử hình giảm còn 29/264 điều luật (chiếm tỷ lệ 11,02%). BLHS năm 2009 tiếp tục giảm xuống còn 22 tội danh (chiếm tỷ lệ 8%). So với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 mở rộng đối tượng không bị tử hình, gồm phụ nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi, đồng thời quy định không thi hành án tử hình đối với phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi và chuyển thành tù chung thân.

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục xu hướng nhân đạo hóa, chỉ giữ hình phạt tử hình cho 18 tội danh (chiếm tỷ lệ 5,73%), phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam. Bộ luật này cũng bổ sung quy định về giảm án tử hình: Người được ân giảm hoặc thuộc trường hợp đặc biệt phải chấp hành ít nhất 25 năm tù trước khi được xét giảm lần đầu và tổng thời gian chấp hành tối thiểu là 30 năm. Đồng thời, BLHS mở rộng phạm vi đối tượng không bị tử hình, bao gồm người phạm tội đủ 75 tuổi và quy định chuyển án tử hình sang tù chung thân với người phạm tội tham ô hoặc nhận hối lộ nếu khắc phục hậu quả đáng kể.

Trên tinh thần cải cách tư pháp và hướng tới nhân đạo hóa, Nghị quyết số 08-NQ/TW năm 2002 của Bộ Chính trị đã yêu cầu các cơ quan chức năng nghiên cứu hai vấn đề then chốt: Phương thức thi hành án tử hình và việc giảm thiểu tỷ lệ áp dụng hình phạt tử hình trong hệ thống các hình phạt của BLHS. Yêu cầu này tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết số 49 - NQ/TW năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Bên cạnh đó, dự thảo BLHS (sửa đổi) do Bộ Công an chủ trì xây dựng, dự kiến trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV vào năm 2025, đang thu hút sự quan tâm đặc biệt bởi nhiều nội dung điều chỉnh quan trọng, trong đó có việc sửa đổi các quy định liên quan đến hình phạt tử hình. Dự kiến bỏ hình phạt

tử hình và thay thế bằng hình phạt tù chung thân không xét giảm án (vẫn bảo đảm cách ly người phạm tội ra khỏi đời sống xã hội) tại 8/18 tội danh (chiếm tỷ lệ 44,44%) có khung hình phạt tù hình ở BLHS hiện hành.

Dù có sự thay đổi tích cực, Việt Nam vẫn duy trì hình phạt tử hình do tình hình tội phạm phức tạp, đặc biệt với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- Giảm áp dụng hình phạt tù chung thân

BLHS năm 1985 quy định hình phạt tù chung thân cho 38 tội danh (chiếm tỷ lệ 19,48%), sau bốn lần sửa đổi tăng lên 57 tội danh (chiếm tỷ lệ 26,38%). Trong giai đoạn 1985 - 1997, chính sách hình sự vẫn nghiêm khắc, áp dụng rộng rãi tù chung thân cho các tội xâm phạm chế độ xã hội chủ nghĩa, sở hữu, ma túy, chức vụ.

BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có 58 điều luật quy định tù chung thân (chiếm tỷ lệ 21,3%). BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm số tội danh bị áp dụng hình phạt này xuống còn 16,08%, bỏ hình phạt tù chung thân và thay bằng mức án tối đa 20 năm tù đối với 10 tội danh.

Xu hướng giảm án tù chung thân cho thấy tính nhân đạo trong pháp luật hình sự Việt Nam, khi nhiều quốc gia vẫn áp dụng tù chung thân không ân giảm. Việc đặc xá tù chung thân cũng giúp người phạm tội có cơ hội tái hòa nhập xã hội.

- Tăng cường áp dụng hình phạt tiền thay thế hình phạt tù

Hình phạt tiền được mở rộng nhằm giảm hình phạt tù, phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Đây là hình phạt mang tính nhân đạo, giúp tước bỏ lợi ích kinh tế của tội phạm mà không tước quyền tự do.

BLHS năm 1999 đã mở rộng đáng kể phạm vi áp dụng hình phạt tiền so với BLHS năm 1985. Cụ thể, số điều luật quy định phạt tiền là hình phạt chính trong BLHS năm 1999 chiếm tỷ lệ 26,23% (69/263 điều), trong khi BLHS năm 1985 chỉ có 5,11% (11/215 điều). Tương tự, hình phạt tiền với tư cách là hình phạt bổ sung cũng tăng từ 24,18% (52/215 điều) trong BLHS năm 1985 lên 38,78% (102/263 điều) trong BLHS

năm 1999.

Về phạm vi và điều kiện áp dụng, BLHS năm 1985 chỉ giới hạn phạt tiền cho các tội vụ lợi hoặc dùng tiền làm phương tiện phạm tội. Trong khi đó, BLHS năm 1999 mở rộng áp dụng phạt tiền làm hình phạt chính đối với các tội ít nghiêm trọng liên quan đến trật tự quản lý kinh tế, hành chính, công cộng và một số tội khác.

Theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, phạt tiền được coi là hình phạt chính trong BLHS năm 2015, áp dụng đối với người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có tài sản trong sạch, tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng trong một số trường hợp và tội rất nghiêm trọng gây thiệt hại đến trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an ninh công cộng. Phạt tiền cũng là hình phạt bổ sung đối với tội tham nhũng và pháp nhân thương mại phạm tội. Bộ luật này mở rộng phạm vi áp dụng phạt tiền so với BLHS năm 1999, bao gồm thêm các tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và rất nghiêm trọng.

3. Mối quan hệ giữa tính nhân đạo và xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự

3.1. Tính nhân đạo làm nền tảng cho xu hướng nhân đạo hóa

- Tính nhân đạo cung cấp cơ sở lý luận và nguyên tắc cho xu hướng nhân đạo hóa

Tính nhân đạo trong luật hình sự là một nguyên tắc cơ bản, đặt nền móng cho sự phát triển và triển khai các biện pháp cải cách nhằm nhân đạo hóa hệ thống pháp luật. Tính nhân đạo yêu cầu sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người, đảm bảo rằng người phạm tội được đối xử công bằng và nhân đạo trong toàn bộ quá trình tố tụng, từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án. Nguyên tắc này nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo vệ phẩm giá của con người, không chỉ đối với nạn nhân mà còn đối với người phạm tội. Sự công bằng và nhân đạo trong xử lý tội phạm không chỉ giúp giảm bớt tính khắc nghiệt của các hình phạt mà còn góp phần tạo điều kiện cho việc cải tạo và tái hòa nhập xã hội của người phạm tội.

Xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự xuất phát từ nền tảng này với mục tiêu cụ thể là giảm bớt tính khắc nghiệt của các hình phạt và tăng cường các biện pháp cải tạo. Bằng cách áp dụng các hình phạt thay thế như án treo, cải tạo không giam giữ và các biện pháp tài chính như phạt tiền, xu hướng này không chỉ giảm bớt gánh nặng cho hệ thống nhà tù mà còn tạo điều kiện cho người phạm tội sửa chữa lỗi lầm và tái hòa nhập cộng đồng. Các biện pháp này phản ánh sự tôn trọng quyền con người và công nhận khả năng thay đổi và phục hồi của người phạm tội. BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 đều quy định miễn hình phạt trong Phần chung (hiện nay là Phần những quy định chung) và Phần các tội phạm với nhiều tiêu chí khác nhau. BLHS năm 2015 có bổ sung thêm đối tượng được miễn hình phạt là pháp nhân thương mại phạm tội. Theo đó, miễn chấp hành hình phạt là quy định cho phép Tòa án quyết định không yêu cầu người bị kết án tuân thủ một phần hoặc toàn bộ hình phạt đã được tuyên án, trong trường hợp người đó đáp ứng các điều kiện được quy định bởi Luật hình sự Việt Nam. Để được miễn chấp hành hình phạt, người bị kết án phải thỏa mãn các tiêu chuẩn được quy định rõ trong pháp luật và được Viện kiểm sát đề xuất. Sau đó, Tòa án sẽ xem xét và quyết định dựa trên các tình tiết cụ thể của từng trường hợp, đảm bảo tính khách quan và chính xác của quyết định. Nhà lập pháp đã xây dựng các quy định dưới dạng linh hoạt, để Tòa án có thể đưa ra quyết định phù hợp với từng trường hợp cụ thể, nhằm tăng tính chủ động và tích cực trong việc áp dụng pháp luật.

Đồng thời, khảo cứu các BLHS Việt Nam và văn bản hướng dẫn cho thấy: Từ BLHS năm 1985 bắt đầu ghi nhận rõ ràng hơn các trường hợp miễn TNHS như một công cụ pháp lý nhân đạo nhằm giảm bớt sự can thiệp hình sự trong những trường hợp không còn cần thiết, hướng tới phục hồi, giáo dục, cải tạo người phạm tội. Miễn TNHS không đồng nghĩa với việc người phạm tội thoát khỏi mọi hậu quả pháp lý [14]. Họ chỉ không bị xử lý hình sự, nhưng vẫn có thể chịu chế tài dân sự, hành chính hoặc kỷ luật tùy theo hành vi vi phạm. Chế định này thể hiện cách tiếp cận nhân văn trong chính sách hình sự, nhằm tạo

cơ hội sửa sai, tái hòa nhập và khuyến khích hợp tác, đồng thời hạn chế lạm dụng hình phạt, cân bằng giữa nghiêm trị và khoan hồng [15].

- Các chính sách và quy định nhân đạo tạo nền tảng cho việc phát triển và triển khai các biện pháp nhân đạo hóa.

Trong lĩnh vực luật hình sự, các chính sách và quy định mang tính nhân đạo đóng vai trò nền tảng trong việc phát triển và triển khai các biện pháp nhân đạo hóa. Tính nhân đạo trong luật hình sự đòi hỏi sự cân nhắc và bảo vệ quyền con người, từ việc xác định các yếu tố cấu thành tội phạm đến quy định về hình phạt.

Một trong những chính sách nhân đạo quan trọng là việc xác định và áp dụng các biện pháp miễn TNHS, loại trừ TNHS, các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Các quy định pháp luật cho phép Tòa án xem xét hoàn cảnh phạm tội, thái độ hối cải của bị cáo và các yếu tố nhân thân khác khi quyết định loại hình phạt, mức hình phạt.

Các BLHS Việt Nam từ năm 1985, 1999 đến 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đều nhấn mạnh nguyên tắc cơ bản: chỉ người nào thực hiện hành vi phạm tội theo quy định của BLHS mới phải chịu TNHS. Điều này cho thấy rằng hành vi phải thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm mới dẫn đến TNHS. BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) chính thức quy định 07 trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự tại Chương IV (từ Điều 20 đến Điều 26), bao gồm: i) Sự kiện bất ngờ; ii) tình trạng không có năng lực TNHS; iii) phòng vệ chính đáng; iv) tình thế cấp thiết; v) gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội; vi) rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ và vii) thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên.

Đối với việc thu hẹp phạm vi TNHS đối với hành vi chuẩn bị phạm tội. Nếu như trước đây, Điều 17 của BLHS năm 1999 quy định người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng phải chịu TNHS về tội định thực hiện. Thì đến Điều 14 của BLHS năm 2015 chỉ quy định TNHS đối với những người chuẩn bị phạm một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia (từ Điều 108 đến Điều 121) hoặc các tội

khác quy định tại các Điều 123, 134, 168, 169, 207, 299 - 303 và 324 [10].

Những đổi mới và hoàn thiện về chế định này có thể nhận thấy điển hình như về Sự kiện bất ngờ: Quy định này cơ bản không thay đổi so với BLHS năm 1999 nhưng vẫn mang ý nghĩa quan trọng. TNHS không thể đặt ra cho một người khi họ không có lỗi trong việc thực hiện hành vi, đồng thời hành vi của họ không thỏa mãn các dấu hiệu của tội phạm. Có đề xuất rằng quy định về sự kiện bất ngờ nên được chuyển ra khỏi Chương IV (Những trường hợp loại trừ TNHS) vì đây là trường hợp không có lỗi, không đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm và không phải chịu TNHS [16]. Hoặc tình trạng không có năng lực TNHS: Điều này được quy định rõ ràng hơn trong BLHS năm 2015 so với các phiên bản trước đó, xác định rõ hai yếu tố là y học (mắc bệnh) và tâm lý (mất năng lực nhận thức hoặc điều khiển hành vi).

Đối với các trường hợp loại trừ TNHS, BLHS năm 2015 đã bổ sung 03 trường hợp loại trừ TNHS mới, gồm: Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội (Điều 24); rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (Điều 25); thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (Điều 26). Tính nhân đạo còn được thể hiện qua quy định tại khoản 2 Điều 18 của BLHS năm 2015 về tội che giấu tội phạm, theo đó người che giấu tội phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu họ là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội, trừ khi che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật.

3.2. Xu hướng nhân đạo hóa mở rộng và làm sâu sắc tính nhân đạo

Xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự không chỉ duy trì mà còn mở rộng và làm sâu sắc thêm tính nhân đạo trong hệ thống pháp luật. Việc này phản ánh rõ ràng trong các chính sách và quy định được áp dụng, nhằm đảm bảo rằng luật hình sự không chỉ trừng phạt mà còn hướng tới việc cải tạo và tái hòa nhập xã hội của người phạm tội. Xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình

sự đặc biệt quan tâm đến việc giảm bớt sự khắc nghiệt của hình phạt và tăng cường sự tôn trọng đối với quyền con người.

Một trong những cách mà xu hướng nhân đạo hóa mở rộng và làm sâu sắc tính nhân đạo là qua việc áp dụng hình phạt thay thế. Thay vì chỉ dựa vào hình phạt tù giam, các quy định pháp luật hiện đại ngày càng khuyến khích sử dụng các hình phạt thay thế như cải tạo không giam giữ, lao động công ích và các biện pháp tài chính như phạt tiền. Những hình phạt này không chỉ giảm bớt gánh nặng cho hệ thống nhà tù mà còn giúp giảm thiểu những tác động tiêu cực của việc giam giữ đối với người phạm tội và gia đình họ. Bằng cách này, xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự không chỉ giảm bớt sự khắc nghiệt của hình phạt mà còn tạo điều kiện cho người phạm tội có cơ hội tiếp tục cuộc sống bình thường, tiếp tục duy trì mối quan hệ gia đình và xã hội, từ đó dễ dàng hơn trong việc tái hòa nhập cộng đồng.

Đồng thời, xu hướng nhân đạo hóa cũng mở rộng tính nhân đạo qua việc điều chỉnh các quy định về mức độ nghiêm trọng của hình phạt dựa trên đặc điểm của từng loại tội phạm. Luật hình sự hiện đại phân loại tội phạm theo mức độ nghiêm trọng, từ các hành vi ít nghiêm trọng đến đặc biệt nghiêm trọng. Quy định này giúp đảm bảo rằng các hành vi phạm tội nghiêm trọng nhận được sự trừng phạt thích đáng, trong khi các hành vi ít nghiêm trọng không bị xử lý quá mức.

Ngoài ra, xu hướng nhân đạo hóa còn thể hiện qua việc điều chỉnh các quy định liên quan đến các yếu tố giảm nhẹ TNHS. Pháp luật hiện đại cho phép Tòa án xem xét các yếu tố như hoàn cảnh phạm tội, thái độ hối cải của bị cáo, và các yếu tố nhân thân khác khi quyết định mức hình phạt. Điều này cho phép hệ thống pháp luật không chỉ nhìn nhận người phạm tội như một thực thể đơn thuần mà còn đánh giá các yếu tố liên quan đến hành vi phạm tội của họ. Việc xem xét các yếu tố giảm nhẹ này phản ánh rõ ràng tính nhân đạo, giúp đảm bảo rằng người phạm tội có cơ hội sửa sai và tái hòa nhập cộng đồng.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã nhận thấy sự cần thiết phải cải cách hệ thống pháp luật

và tư pháp để đạt được một hệ thống pháp luật minh bạch và hiệu quả, một nền tư pháp hiệu quả và đảm bảo trách nhiệm giải trình, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người, trong đó có các biện pháp thay thế hình phạt tù hình (án tử hình), một khía cạnh cơ bản của quyền được xét xử công bằng theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị. Số loại hình tội phạm và hình phạt, bao gồm cả tử hình, ở Việt Nam thay đổi theo các lần sửa đổi luật hình sự. BLHS hiện hành, được sửa đổi và bổ sung lần gần nhất vào năm 2017, quy định áp dụng hình phạt tử hình cho 18 tội danh cụ thể thuộc 7 nhóm. Theo luật pháp quốc tế, án tử hình không áp dụng cho trẻ em phạm tội, phụ nữ đang mang thai, có con nhỏ hoặc người già. Đối với các tội danh nêu trên, tử hình không phải là hình phạt bắt buộc hay duy nhất, mà là một trong những hình phạt để Tòa án xem xét dựa trên tính chất, mức độ nguy hiểm và yêu cầu của công tác phòng, chống tội phạm. Khung hình phạt thống kê tiếp cho các tội danh này là tù chung thân.

BLHS năm 1985 có 29 điều luật trong tổng số 195 điều luật quy định về các tội phạm có quy định hình phạt tử hình (chiếm tỷ lệ 14,87%). Sau bốn lần sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1985 (lần thứ nhất ngày 28/12/1989, lần thứ hai ngày 12/8/1991, lần thứ ba ngày 22/12/1992 và lần thứ tư ngày 10/5/1997), số điều luật có hình phạt tử hình đã tăng lên 44 điều trên tổng số 216 điều luật về tội phạm (chiếm tỷ lệ 20,37%) [17]. Tiếp theo BLHS năm 1999 đã tạo bước chuyển biến từ xu hướng trừng trị nghiêm khắc chuyển sang xu hướng nhân đạo và hướng thiện bằng việc loại bỏ hình phạt tử hình ở nhiều điều luật. BLHS năm 1999 chỉ còn 29 trong tổng số 264 điều luật có quy định hình phạt tử hình (chiếm tỷ lệ 11,02%). Đến BLHS năm 2015 chỉ còn giữ hình phạt tử hình trong 18 điều luật trên tổng số 314 điều quy định về các tội phạm (chiếm tỷ lệ 5,73%).

Như vậy, xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự không chỉ duy trì mà còn mở rộng và làm sâu sắc tính nhân đạo của hệ thống pháp luật. Qua việc áp dụng các hình phạt thay thế, điều chỉnh mức độ nghiêm trọng của hình phạt, xem xét các yếu tố giảm nhẹ và phát triển các chương

trình cải tạo, xu hướng này phản ánh sự tiến bộ của xã hội trong việc tôn trọng quyền con người và nâng cao chất lượng công lý.

3.3. Sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa tính nhân đạo và xu hướng nhân đạo hóa

Sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa tính nhân đạo và xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự thể hiện một cách rõ nét sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng và triển khai hệ thống pháp luật hình sự. Tính nhân đạo, với tư cách là một nguyên tắc lý luận cơ bản, đặt nền tảng cho sự phát triển các biện pháp nhân đạo hóa, trong khi xu hướng nhân đạo hóa phản ánh sự triển khai và mở rộng của những nguyên tắc lý luận này trong thực tiễn pháp lý.

Tính nhân đạo trong luật hình sự, với các nguyên tắc chủ yếu là tôn trọng quyền con người, bảo vệ phẩm giá và áp dụng hình phạt công bằng, đóng vai trò là lý luận cơ bản cung cấp nền tảng cho việc cải cách và phát triển hệ thống pháp luật. Nguyên tắc này yêu cầu rằng mọi hành vi phạm tội phải được xử lý một cách nhân đạo, không chỉ dựa trên các yếu tố trừng phạt mà còn cân nhắc đến khả năng thay đổi và cải thiện của người phạm tội. Tính nhân đạo khẳng định rằng hệ thống pháp luật hình sự cần phải bảo vệ quyền lợi của tất cả các bên liên quan, bao gồm cả người phạm tội và điều này không chỉ dừng lại ở lý luận mà phải được thể hiện rõ ràng trong các quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật.

Xu hướng nhân đạo hóa, từ phía thực tiễn triển khai, phản ánh sự áp dụng và mở rộng của nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật hình sự. Đây là quá trình cải cách và phát triển các biện pháp nhằm giảm bớt tính khắc nghiệt của hình phạt, đồng thời tăng cường sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Xu hướng nhân đạo hóa bao gồm việc áp dụng các hình phạt thay thế như án treo, cải tạo không giam giữ và các biện pháp tài chính thay vì chỉ dựa vào hình phạt tù giam. Những biện pháp này không chỉ giảm bớt gánh nặng cho hệ thống nhà tù mà còn tạo điều kiện cho người phạm tội có cơ hội tiếp tục cuộc sống bình thường và duy trì mối quan hệ gia đình và xã hội.

Sự tương tác giữa lý luận và thực tiễn này thể hiện qua việc nguyên tắc nhân đạo từ lý luận được triển khai cụ thể trong các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng. Ví dụ, các quy định về yếu tố giảm nhẹ TNHS, cho phép Tòa án cân nhắc các hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội khi quyết định hình phạt là một minh chứng rõ ràng cho việc áp dụng nguyên tắc nhân đạo trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, việc phân loại tội phạm và áp dụng các hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cũng là một phần quan trọng của xu hướng nhân đạo hóa. Các quy định này giúp đảm bảo rằng người phạm tội không bị xử lý quá mức, đồng thời các hình phạt được áp dụng một cách hợp lý và công bằng.

Sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa tính nhân đạo và xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự thể hiện một sự kết hợp hiệu quả giữa lý luận và thực tiễn. Tính nhân đạo cung cấp nền tảng lý luận cho việc phát triển và triển khai các biện pháp nhân đạo hóa, trong khi xu hướng nhân đạo hóa phản ánh sự áp dụng cụ thể của nguyên tắc nhân đạo trong thực tiễn pháp lý.

4. Kết luận

Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển và những giá trị nhân văn được đề cao, xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự đã trở thành một yếu tố không thể thiếu, phản ánh sự tiến bộ của hệ thống pháp luật. Tính nhân đạo trong luật hình sự không chỉ là một khái niệm lý thuyết mà đã định hình trở thành một nguyên tắc cốt lõi, kim chỉ nam, đảm bảo sự công bằng và nhân ái trong việc đối xử với người phạm tội. Nguyên tắc này đòi hỏi sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cải tạo và tái hòa nhập xã hội của người phạm tội.

Xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự, với sự giảm nhẹ các hình phạt nặng nề và áp dụng các biện pháp thay thế đã góp phần quan trọng trong việc giảm bớt tính khắc nghiệt của hệ thống hình sự và tăng cường bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội. Những thay đổi này không

chỉ phản ánh sự tiến bộ trong tư duy pháp lý mà còn khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc xây dựng một hệ thống pháp luật công bằng, nhân văn và hiệu quả.

Từ các cải cách pháp luật đến sự thay đổi trong nhận thức và thực tiễn áp dụng của các cơ quan tư pháp, xu hướng nhân đạo hóa đã và đang trở thành một phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển hệ thống luật hình sự ở Việt Nam. Những nỗ lực này đã giúp củng cố nền tảng lý luận và thực tiễn cho một hệ thống pháp luật hình sự nhân văn, đồng thời đảm bảo những giá trị tốt đẹp về quyền con người và đạo đức xã hội.

Lời cảm ơn

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu trong Luận án Tiến sĩ “Xu hướng nhân đạo hoá trong luật hình sự Việt Nam” của NCS. Vũ Thị Thủy thực hiện tại Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Punishment - Moral Justifications and Legal Punishment, https://law.jrank.org/pages/1905/Punishment-Moral-justifications-legal-punishment.html#google_vignette (accessed on March 15th, 2025).
- [2] S. N.D., Fenomen Gumannosti i Ideya Gumanizma The Phenomenon of Humanity and the Idea of Humanism, Monograph. Chita, ZabGU, 2018, pp. 11.
- [3] The Purpose of Criminal Law: Ensuring Justice and Safety, <https://legalmaximo.com/blog/purpose-of-criminal-law/> (accessed on March 15th, 2025).
- [4] Cơ sở lý luận và thực tiễn của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam, <http://tailieu.quochoi.vn:8080/index.php/tailieu/chuyen-de-chuyen-sau/item/483-co-so-ly-luan-va-thuc-tien-cua-nguyen-tac-nhan-dao-trong-luat-hinh-su-viet-nam> (accessed on March 15th, 2025).
- [5] Б. М. М., Пудовочкин Ю. Е. Изменения российского уголовного закона и их уголовно-политическая оценка, Государство и право, Vol. 8, 2012, pp. 41.
- [6] В. А. Маслов, Реализация принципа гуманизма в уголовно-правовой политике, Вестник Санкт-

- Петербургского университета МВД России, Vol. 4, No. 96, 2022, pp. 135.
- [7] <https://www.hncourt.gov.cn/public/detail.php?id=152044> (accessed on March 15th, 2025).
- [8] N. V. Hoàn, Những điểm mới quan trọng theo tinh thần cải cách tư pháp nhằm bảo vệ quyền con người, thể hiện tính nhân đạo trong Bộ luật hình sự năm 2015, <https://pbgdpl.vinhlong.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/id/79286> (accessed on March 15th, 2025).
- [9] <https://www.criminallaw.com.cn/article/default.asp?id=10555> (accessed on March 15th, 2025).
- [10] T. Q. Toàn, Xu hướng phát triển mới của Luật Hình sự Việt Nam và một số vấn đề đặt ra, Tạp chí Khoa học: Luật học, Vol. 40, No. 2, 2024, pp. 18.
- [11] H. S. Sơn, Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam, Hà Nội, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2009, tr. 16.
- [12] V. T. Thuý, Đ. T. Hằng, Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa - xã hội đến sự hình thành và phát triển xu hướng nhân đạo hóa trong luật hình sự Việt Nam, Sách Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2022, tr. 440.
- [13] V. T. Thuý, Xu hướng nhân đạo hoá trong pháp luật hình sự Liên bang Nga và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, Tạp chí Khoa học: Luật học, số 11, 2024, tr. 44.
- [14] T. T. Việt, Hậu quả của việc áp dụng miễn trách nhiệm hình sự: Lý luận, thực tiễn và hướng hoàn thiện pháp luật, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 11, 2010, tr. 46.
- [15] T. T. Việt, Về khái niệm miễn trách nhiệm hình sự, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật, số 23, 2007, tr. 103.
- [16] T. C. Sơn, Tiếp tục hoàn thiện quy định về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 11, 2023, tr. 23 - 24.
- [17] T. Q. Toàn, Chế định hình phạt tử hình trong Luật hình sự Việt Nam và một số kiến nghị hoàn thiện, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, số 28, 2012, tr. 32.